BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Số: 80 /QĐ-ĐHTB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định Chế độ làm việc đối với giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên Trường Đại học Tây Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Căn cứ Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc ban hành theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐTĐHTB ngày 29/03/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Bắc và chỉnh sửa theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐTĐHTB ngày 31/12/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-ĐHTB ngày 08/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc về việc kiện toàn Ban Soạn thảo Quy định Chế độ làm việc đối với giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên Trường Đại học Tây Bắc.

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 29/10/2025 của Ban Soạn thảo Quy định Chế độ làm việc đối với giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên Trường Đại học Tây Bắc; Biên bản tổng hợp ý kiến góp ý lần 3 ngày 22/01/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên Trường Đại học Tây Bắc *(có tài liệu kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 199/QĐ-ĐHTB ngày 22/3/2022; Quyết định số 189/QĐ-ĐHTB ngày 13/3/2023 và Quyết định số 526/QĐ-ĐHTB ngày 20/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc.

Điều 3. Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường; các giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên của Trường Đại học Tây Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC-HC (2b).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Nguyễn Văn Định

QUY ĐỊNH
Chế độ làm việc đối với giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên Trường Đại học Tây Bắc

(Kèm theo Quyết định số 80. /QĐ-ĐHTB ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, bao gồm: Nhiệm vụ, thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học, quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy và chế độ làm việc vượt định mức lao động; quy định chế độ làm việc đối với giáo viên, bao gồm: Nhiệm vụ, thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, định mức tiết dạy, chế độ giảm định mức tiết dạy và quy đổi các hoạt động khác ra tiết dạy.

2. Văn bản này áp dụng đối với giảng viên, giáo viên thuộc biên chế sự nghiệp và lao động hợp đồng có thời hạn của Trường Đại học Tây Bắc; sĩ quan biệt phái tại Trường Đại học Tây Bắc.

Điều 2. Mục đích

1. Làm căn cứ để Hiệu trưởng phân công, bố trí, sử dụng, tăng cường hiệu lực công tác quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động.

2. Làm căn cứ để Hiệu trưởng và các phòng chức năng kiểm tra, thẩm định, đánh giá và xây dựng chính sách, chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

3. Làm cơ sở để giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Làm cơ sở để đánh giá, xếp loại, xét thưởng, thi đua, khen thưởng và các chế độ khác đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên.

Điều 3. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên, giáo viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái

1. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2020/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh

nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập và Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục đại học công lập; Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; Quyết định 25/2020/QĐ-TTg về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nhiệm vụ của giáo viên trung học phổ thông: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập; Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Nhiệm vụ của giáo viên trung học cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Nhiệm vụ của giảng viên là sĩ quan biệt phái

a) Tham mưu với Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc thực hiện công tác quản lý về giáo dục quốc phòng và an ninh; nghiên cứu khoa học, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh.

b) Thực hiện giảng dạy môn học giáo dục quốc phòng và an ninh.

c) Tham gia phối hợp thực hiện các công tác quân sự khác.

5. Giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên phải tuân thủ sự phân công công tác của trưởng bộ môn/tổ trưởng tổ chuyên môn, trưởng đơn vị. Khi phát hiện có sự phân công nhiệm vụ không đồng đều, không hợp lý, giảng viên, giáo viên cần phản ánh lại với trưởng bộ môn/tổ trưởng tổ chuyên môn, trưởng đơn vị hoặc báo cáo Hiệu trưởng (qua Phòng Tổ chức - Hành chính) để có hướng giải quyết.

6. Giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; không được ký hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động với tư cách là giảng viên, giáo viên cơ hữu của các đơn vị đào tạo khác ngoài Trường.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Điều 4. Quy định về thời gian làm việc

1. Thời gian làm việc của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên theo chế độ tuần làm việc 40 giờ và được xác định theo năm học.

2. Tổng thời gian làm việc của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái trong năm học là 44 tuần tương đương 1760 giờ sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định hiện hành.

3. Tổng quỹ thời gian này được chia cho từng nhiệm vụ cụ thể của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái như sau:

Nhiệm vụ/Chức danh	Giảng dạy (giờ)	Nghiên cứu khoa học (giờ)	Hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng (giờ)	Tổng (giờ)
Giảng viên cao cấp	900	750	110	1760
Giảng viên chính	900	675	185	1760
Giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái	900	600	260	1760
Trợ giảng	450	300	1010	1760

4. Tổng thời gian làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An trong một năm học là 42 tuần, trong đó:

a) Số tuần giảng dạy các nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông là 37 tuần (bao gồm 35 tuần thực dạy và 02 tuần dự phòng);

b) Số tuần học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ là 03 tuần;

c) Số tuần chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học là 02 tuần.

5. Thời gian nghỉ hè, nghỉ lễ và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; nếu nghỉ quá số ngày quy định thì thực hiện nghỉ không hưởng lương (nếu được đơn vị, Nhà trường đồng ý); trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định.

Điều 5. Quy định về giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên

1. Giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái (sau đây gọi chung là giờ chuẩn) là đơn vị thời gian quy đổi để thực hiện một công việc tương đương cho một tiết giảng lý thuyết trình độ cao đẳng, đại học trực tiếp

trên lớp hoặc giảng dạy trực tuyến, bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

2. Định mức giờ chuẩn giảng dạy cho giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái trong một năm học là 300 giờ chuẩn; trong đó, số giờ chuẩn trực tiếp trên lớp chiếm tối thiểu 50% định mức quy định đối với từng cá nhân. Trong các trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng cho phép thực hiện các nhiệm vụ khác (tại Điều 7 Quy định này) để quy đổi sang giờ chuẩn giảng dạy.

3. Các hoạt động sau của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái được quy sang giờ chuẩn: Hướng dẫn thực hành, thực tập, thực địa, rèn nghề; giảng dạy lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, khóa luận, luận văn thạc sĩ, ra đề thi và coi, chấm thi các hệ đào tạo; cố vấn học tập; dạy bổ sung, dạy kiêm nhiệm tại trường phổ thông, dạy bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp; tham gia các hội đồng đào tạo cao học; hoạt động kiêm nhiệm, quản lý đào tạo.

4. Đơn vị tính nhiệm vụ giảng dạy cho giáo viên Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An là tiết dạy.

Điều 6. Định mức giảng dạy của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái, giáo viên

1. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái trong một năm học cụ thể như sau:

Chức danh	Giờ chuẩn cho các chức danh
Giảng viên cao cấp	300
Giảng viên chính	300
Giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái	300
Trợ giảng	150

* Lưu ý: Trợ giảng thực hiện không quá 100% định mức giờ chuẩn giảng dạy trong năm.

2. Định mức giảng dạy của giáo viên Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An: Giáo viên trung học phổ thông là 17 tiết/tuần, giáo viên trung học cơ sở là 19 tiết/tuần.

3. Định mức giảng dạy của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, giáo viên là Tổng phụ trách đội của Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An:

a) Hiệu trưởng là 02 tiết/tuần; Phó Hiệu trưởng là 04 tiết/tuần.

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng không được quy đổi chế độ giảm định mức tiết dạy đối với các nhiệm vụ kiêm nhiệm.

c) Giảng viên được bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An thì thực hiện định mức theo điểm a khoản này.

d) Giáo viên là Tổng phụ trách đội: 06 tiết/tuần.

Điều 7. Quy đổi ra giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên, giảng viên là sĩ quan biệt phái

1. Một tiết giảng lý thuyết đối với dạy trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến cho đào tạo trình độ cao đẳng, đại học (bao gồm hình thức đào tạo từ xa) được tính:

Số sinh viên/lớp	Hệ số tính (giờ chuẩn)
Nhỏ hơn hoặc bằng 40	1,0
Từ 41 đến 60	1,1
Từ 61 đến 80	1,2
Từ 81 đến 100	1,3
Từ 101 đến 120	1,4
Trên 120	1,5

2. Một tiết giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu thao trường, bãi tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, một tiết giảng môn học giáo dục thể chất được tính bằng 1,0 giờ chuẩn giảng dạy.

3. Quy đổi giờ hướng dẫn bài tập: Một tiết hướng dẫn bài tập trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến cho sinh viên tính bằng 1,0 giờ chuẩn/lớp.

4. Quy đổi giờ hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm: Một tiết hướng dẫn thực hành, thí nghiệm được tính 0,5 giờ chuẩn.

Nếu quy mô lớp thực hành từ 41 trở lên phải tách lớp thì cách tính giờ chuẩn như sau: Từ 41 đến 50 sinh viên tính bằng 0,6 giờ chuẩn; từ 51 đến 60 sinh viên tính bằng 0,7 giờ chuẩn; từ 61 đến 70 sinh viên tính bằng 0,8 giờ chuẩn; từ 71 sinh viên trở lên tính bằng 0,9 giờ chuẩn.

5. Hướng dẫn sinh viên đại học, cao đăng đi thực tập, thực tế, thực địa, rèn nghề:

- Số giờ chuẩn được tính theo kế hoạch được phê duyệt.

- Tổng số giờ chuẩn không dẫn đến vượt quá tổng số tiết của học phần.

6. Một tiết giảng chuyên đề, giảng lý thuyết trực tiếp trên lớp hoặc trực tuyến cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ được tính 1,5 giờ chuẩn giảng dạy. Một tiết giảng chuyên đề, giảng lý thuyết cho các lớp đào tạo trình độ tiến sĩ hoặc một tiết giảng bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ được tính 2,0 giờ chuẩn giảng dạy.

7. Hướng dẫn sinh viên đại học khối ngành ngoài sư phạm đi thực tập cuối khoá (gồm hướng dẫn đề cương, hướng dẫn sinh viên thực hiện, kiểm tra):

- Ngành Kế toán: 6 giờ chuẩn/sinh viên;

- Các ngành Nông học, Bảo vệ thực vật, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên và Môi trường, Quản lý Tài nguyên rừng, Chăn nuôi): 5 giờ chuẩn/sinh viên;

- Các ngành Tài chính - Ngân hàng, Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, Quản trị Kinh doanh, Công nghệ thông tin: 2 giờ chuẩn/sinh viên.

8. Hướng dẫn khóa luận, luận văn

a) Hướng dẫn sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp tính 15 giờ chuẩn/khóa luận.

b) Hướng dẫn 1 luận văn thạc sĩ tính 45 giờ chuẩn/luận văn. Hướng dẫn luận văn cho học viên Lào được tính hệ số 1,2 tương đương với 54 giờ chuẩn/luận văn.

9. Ra đề thi

a) Đề thi kết thúc học phần ở các bậc cao học, đại học, cao đẳng: 5 giờ chuẩn/học phần;

b) Đề tiểu luận ở các bậc cao học, đại học, cao đẳng: 5 giờ chuẩn/học phần;

c) Đề thi dành cho hệ dự bị, phổ thông, tiếng Việt cho lưu học sinh: 4 giờ chuẩn/học phần;

10. Coi thi, chấm thi

a) Coi thi mỗi buổi tính 1,0 giờ chuẩn;

b) Chấm thi đối với bậc đại học, cao đẳng, cao học: 20 bài thi = 1,0 giờ chuẩn/số lượng cán bộ chấm thi;

c) Chấm thi đối với hệ dự bị, học sinh phổ thông: 25 bài thi = 1,0 giờ chuẩn/2 cán bộ chấm thi;

d) Chấm khóa luận/đồ án/chuyên đề tốt nghiệp được tính 4 giờ chuẩn/1 khóa luận/đồ án/chuyên đề (tính trên tổng số người chấm);

đ) Thông qua đề cương luận văn: 1 giờ chuẩn/luận văn/thành viên hội đồng;

e) Chấm luận văn: chủ tịch/phản biện tính 4 giờ chuẩn/luận văn; ủy viên tính 3 giờ chuẩn/luận văn.

g) Chấm tiểu luận cao học: 2 giờ chuẩn/tiểu luận/2 cán bộ chấm.

h) Chấm tiểu luận đại học, cao đẳng: 0,4 giờ chuẩn/tiểu luận/2 cán bộ chấm.

11. Giảng viên giảng dạy tại trường phổ thông mỗi tiết tính 0,9 giờ chuẩn.

12. Giảng viên thực hiện công việc hành chính được quy đổi 03 giờ hành chính = 01 giờ chuẩn. Trong các trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng quy định việc quy đổi các nhiệm vụ khác sang giờ chuẩn giảng dạy.

13. Giảng dạy Tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào mỗi tiết tính 01 giờ chuẩn.

Điều 8. Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác

1. Giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm các công tác khác trong Trường có nghĩa vụ giảng dạy theo định mức dưới đây *(tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy định này):*

TT	Chức vụ, kiêm nhiệm	Điều kiện	Định mức
1	Hiệu trưởng		15%
2	Phó Hiệu trưởng		20%
3	Trưởng phòng và tương đương	Trừ các trung tâm hoạt động tự chủ	25%
4	Phó Trưởng phòng và tương đương		30%
5	Trưởng khoa	Khoa có từ 40 giảng viên hoặc có quy mô 800 người học trở lên	60%
6	Phó trưởng khoa		70%
7	Trưởng khoa	Khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học	70%
8	Phó Trưởng khoa, Phó Trưởng bộ môn trực thuộc trường		80%
9	Trưởng bộ môn		80%
10	Phó Trưởng bộ môn		85%
11	Bí thư Đảng ủy		15%
12	Phó Bí thư Đảng ủy		30%
13	Bí thư chi bộ		85%
14	Phó Bí thư chi bộ		90%
15	Trưởng Ban thanh tra nhân dân		85%
16	Trưởng Ban nữ công		85%
17	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh		40%
18	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh		50%
19	Chủ tịch Hội Sinh viên		50%
20	Phó Chủ tịch Hội Sinh viên		60%
21	Bí thư Liên chi đoàn	Có từ 1.000 đoàn viên trở lên	60%
22	Giảng viên làm công tác quốc phòng, quân sự không chuyên trách	Quy định tại Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28/12/2018 của Chính phủ về công tác quốc phòng của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương	80%

Giảng viên giữ nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý, kiêm nhiệm nhiều vị trí công tác đảng, đoàn thể thực hiện một định mức giờ chuẩn giảng dạy thấp nhất.

2. Giảng viên phụ trách các công việc cụ thể dưới đây được giảm định mức

giờ chuẩn giảng dạy trong năm học *(tỷ lệ % tính theo định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định cho từng cá nhân):*

TT	Công việc	Điều kiện	Định mức giảm
1	Giảng viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn cơ sở	Không chuyên trách	Giảm 44 giờ chuẩn
2	Giảng viên làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Công đoàn bộ phận	Không chuyên trách	Giảm 22 giờ chuẩn
3	Cố vấn học tập, chủ nhiệm lớp		15%
4	Phụ trách phòng máy (bảo trì, bảo dưỡng)	Khoa có từ 2 phòng máy (từ 50 máy trở lên)	20%
		Khoa có 1 phòng máy (dưới 50 máy)	10%
5	Trợ lý khoa	Không chuyên trách	25%
6	Dân quân tự vệ		2,5 giờ chuẩn/ngày huấn luyện
7	Giảng viên nữ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng		10%
8	Giảng viên không giữ chức vụ quản lý, công tác tại các phòng, ban, trung tâm và tương đương	- Giảng viên thuộc bộ môn không vượt giờ chuẩn. - Được sự đồng ý của các đơn vị liên quan và cá nhân.	50%

Giảng viên phụ trách nhiều công việc được cộng tất cả các định mức được giảm để trừ vào định mức giờ chuẩn giảng dạy nhưng không vượt quá 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy quy định cho từng cá nhân.

3. Giảng viên giữ chức danh quản lý từ phó trưởng đơn vị trở lên (không bao gồm các khoa) và giảng viên không giữ chức vụ quản lý, công tác tại các phòng, ban, trung tâm và tương đương được miễn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; hoạt động chuyên môn, kết nối và phục vụ cộng đồng.

Điều 9. Khung định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh

1. Giảng viên không phải sĩ quan biệt phái thuộc Trung tâm GDQP&AN được bổ nhiệm chức vụ quản lý và các vị trí dưới đây có nghĩa vụ trực tiếp giảng dạy theo khung định mức như sau *(tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn giảng dạy của chức danh giảng viên):*

Chức danh	Định mức giờ chuẩn
Phó Giám đốc	20%
Trưởng ban	35%